

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Kiên Giang

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-ĐHKG ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định khối lượng và cấu trúc chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng;

Xét Đề nghị của Ban chỉ đạo công tác soạn thảo, rà soát và xây dựng các chương trình đào tạo trình độ đại học định hướng ứng dụng;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Phòng Đào tạo.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục gồm 22 Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng (Danh mục chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Chương trình đào tạo được ban hành áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 (Khóa 09) tại Trường Đại học Kiên Giang.

**Điều 3.** Lãnh đạo Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các Khoa, các đơn vị thuộc, trực thuộc trường, người học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3 (qua mail trường);
- Lưu: VT, ĐT (5b).

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành



## DANH MỤC

### Các Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Kiên Giang

Stt	Tên chương trình	Trình độ	Khoa quản lý	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Đại học	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Đại học		
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Đại học		
4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đại học	Khoa Tài nguyên - Môi trường	
5	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đại học		
6	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Khoa Ngoại Ngữ	
7	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	Đại học	Khoa Sư phạm và Xã hội nhân văn	
8	Du lịch	Đại học		
9	Sư phạm toán học	Đại học		
10	Giáo dục tiểu học	Đại học		
11	Luật	Đại học		
12	Kế toán	Đại học	Khoa Kinh tế	
13	Quản trị kinh doanh	Đại học		
14	Tài chính - ngân hàng	Đại học		
15	Kinh doanh quốc tế	Đại học		
16	Công nghệ thực phẩm	Đại học	Khoa Khoa học Thực phẩm và Sức khỏe	
17	Công nghệ sinh học	Đại học	Khoa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
18	Nuôi trồng thủy sản	Đại học		
19	Khoa học cây trồng	Đại học		
20	Chăn nuôi	Đại học		
21	Kinh doanh nông nghiệp	Đại học		
22	Công nghệ thông tin	Đại học	Khoa Thông tin và Truyền thông	

Danh sách gồm 22 chương trình./.



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 894/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: QUẢN TRỊ KINH DOANH (BUSINESS ADMINISTRATION)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh

Mã ngành: 7340101

### I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

#### 1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh; có tính năng động sáng tạo và tầm nhìn chiến lược.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

- PO2: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

- PO3: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành hiện đại và kiến thức chuyên môn sâu để tổ chức thực hiện các công việc quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, quản trị sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh; đủ khả năng lập kế hoạch, chiến lược kinh doanh và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu trong tình hình kinh doanh hiện đại hiện nay.

##### 1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

- PO5: Vận dụng kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;



- PO6: Xây dựng được chính sách kinh doanh, chiến lược kinh doanh; điều hành doanh nghiệp và giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong kinh doanh; Trau dồi khả năng tự học, làm việc độc lập, làm việc nhóm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong hoạt động kinh doanh hiện nay.

### 1.2.3 Về thái độ

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khoa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật.

## II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

### 2.1 Kiến thức

- PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành quản trị kinh doanh;

- PLO2: Áp dụng kiến thức về tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, nguyên lý kế toán,... để hỗ trợ cho công tác chuyên môn quản trị kinh doanh và làm nền tảng nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh. Áp dụng kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- PLO3: Vận dụng những kiến thức công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và thực hiện yêu cầu công việc quản trị kinh doanh;

- PLO4: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành về Quản trị kinh doanh vào việc phân tích các hoạt động của doanh nghiệp: Quản trị nguồn nhân lực, Sản xuất kinh doanh, quản trị tài chính, marketing, dự báo các dữ liệu kinh doanh. Đề xuất được các ý kiến tư vấn giải quyết những vấn đề tồn tại;

- PLO5: Vận dụng kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh để giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản trị như phân tích được các rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh, có khả năng đàm phán kinh doanh, quan hệ công chúng, lập được kế hoạch kinh doanh và có nghệ thuật lãnh đạo.



## 2.2 Kỹ năng

- PLO6: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;

- PLO7: Thực hiện được các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản, các giao dịch thương mại, kỹ năng xây dựng và trình bày chiến lược kinh doanh, đàm phán trong kinh doanh, trong nghệ thuật lãnh đạo;

- PLO8: Lập kế hoạch sản xuất, quản trị chất lượng cho các doanh nghiệp. Có khả năng dẫn dắt, khởi sự doanh nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác;

- PLO9: Sử dụng được một phần mềm chuyên ngành để xử lý các dữ liệu trong lĩnh vực kinh doanh. Đề xuất giải pháp kinh doanh đáp ứng sự thay đổi trong môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế;

- PLO10: Phân tích được hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị kinh doanh. Đánh giá được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp;

- PLO11: Truyền đạt được vấn đề và giải pháp để xử lý các công việc liên quan đến hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

## 2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Có lập trường chính trị tư tưởng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;

- PLO13: Giải quyết vấn đề một cách độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi;

- PLO14: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc;

- PLO15: Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
PO1	x											x				
PO2	x		x			x										
PO3		x		x	x			x		x	x		x			
PO4	x											x	x			
PO5			x							x				x		
PO6								x	x	x				x	x	
PO7	x												x	x		
PO8					x				x					x	x	x

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

STT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4
PLO1	x	x						x				x			
PLO2	x				x							x		x	
PLO3	x					x				x	x	x			
PLO4				x	x	x			x			x		x	
PLO5				x	x		x	x	x				x		x
PLO6		x								x	x	x			
PLO7				x	x		x	x		x			x		x
PLO8				x	x	x	x						x	x	
PLO9			x							x			x		
PLO10				x				x		x					x
PLO11				x						x					x
PLO12		x					x					x			
PLO13					x	x						x			
PLO14				x			x						x		
PLO15	x						x			x				x	x



### III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

**Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình**

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	83	10
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	30	05
2.2	Kiến thức chuyên ngành	48	43	05
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10	10
<b>Tổng cộng:</b>		<b>121</b>	<b>107</b>	<b>14</b>

✓  
 SỞ  
 I H  
 N G  
 \*

Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
				Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
I	II			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15
	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x	x			x						x			
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%								x							
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	28,9%		x					x						x		
2.2	Kiến thức chuyên ngành	48	39,6%					x				x	x	x			x	x
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	8,4%													x		x
Tổng cộng		121	100%															



## IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>28</b>				
<b>1.1 Kiến thức bắt buộc</b>			<b>24</b>				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
<b>1.2 Kiến thức bắt buộc (không tích lũy)</b>			<b>12</b>				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An Ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác Quốc phòng và an ninh		30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
<b>1.3 Kiến thức tự chọn</b>			<b>4</b>				
18	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45

IG  
ĐC  
ING

MZ



19	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	A25007	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	30
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
<b>II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>93</b>				
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>35</b>				
<b>2.1.1 Kiến thức bắt buộc</b>			<b>30</b>				
23	B26001	Kinh tế vi mô	3	30	0	15	45
24	B26002	Kinh tế vĩ mô	3	30	0	15	45
25	B26005	Marketing căn bản	3	30	30	0	60
26	B26008	Quản trị học	3	30	0	15	45
27	B26006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	0	45
28	B26061	Quản trị nguồn nhân lực	2	15	0	15	30
29	B26004	Nguyên lý kế toán	3	30	0	15	45
30	B26014	Thuế	3	30	0	15	45
31	B26038	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	30	0	15	45
32	A25009	Lý thuyết và xác suất thống kê toán	3	30	0	15	45
33	A25045	Toán kinh tế	2	20	0	10	30
<b>2.1.2 Kiến thức tự chọn</b>			<b>5</b>				
• Kiến thức tự chọn 1			<b>3</b>				
34	B26003	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	0	15	45
35	B26015	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	30	0	15	45
36	B26100	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	30	0	15	45
• Kiến thức tự chọn 2			<b>2</b>				
37	B27158	Hệ thống thông tin quản lý	2	15	0	15	30
38	B27185	Quan hệ công chúng	2	15	0	15	30



<b>2.2 Kiến thức ngành</b>			<b>58</b>				
<b>2.2.1 Kiến thức bắt buộc</b>			<b>43</b>				
39	B27007	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	0	15	45
40	B27008	Quản trị tài chính	3	30	0	15	45
41	B27083	Phân tích hành vi người tiêu dùng	2	15	0	15	30
42	B27156	Quản trị chiến lược	3	30	0	15	45
43	B27057	Quản trị Marketing	3	30	30	0	60
44	B27054	Quản trị sản xuất	3	30	30	0	60
45	B27071	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	0	15	45
46	B27077	Quản trị sự thay đổi	3	30	30	0	60
47	B27006	Kế toán quản trị	3	30	0	15	45
48	B27157	Quản trị công nghệ và đổi mới	3	30	0	15	45
49	B27177	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	2	15	0	15	30
50	B27178	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	2	15	0	15	30
51	B27096	Quản trị chất lượng	3	30	0	15	45
52	B27078	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	30	0	15	45
53	B27066	Thực tập nghề nghiệp (QTKD)	4	0	180	0	180
<b>2.2.2 Kiến thức tự chọn</b>			<b>5</b>				
• Kiến thức tự chọn 1			<b>3</b>				
54	B26033	Kinh tế quốc tế	3	30	0	15	45
55	B27061	Hành vi tổ chức	3	30	0	15	45
56	B26042	Giao dịch thương mại quốc tế	3	30	30	0	60
57	B26068	Thanh toán quốc tế	3	30	0	15	60
• Kiến thức tự chọn 2			<b>2</b>				
58	B27081	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	15	0	15	30
59	B27079	Thương mại điện tử	2	15	30	0	45

CAO TÀI

AMZ

<b>2.3 Kiến thức tốt nghiệp</b>			<b>10</b>				
60	B28024	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	450	0	450
<b>Hoặc các học phần thay thế</b>			<b>10</b>				
61	B28019	Khởi sự doanh nghiệp	2	15	30	0	45
62	B28025	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3	30	0	15	45
63	B28020	Nghệ thuật lãnh đạo	3	30	0	15	45
64	B28017	Đàm phán trong kinh doanh	2	15	30	0	45

## V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành